

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH

KINH TẾ HỢP TÁC DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI TỈNH TRÀ VINH

Hà Minh Tuấn^{1*}, Mai Thị Huyền Trang², Nguyễn Minh Tuấn¹,
Vũ Thị Hải Anh¹, Kiều Thị Thu Hương¹, Nguyễn Thị Hiền Thương¹

¹Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

²Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài viết nhằm mục đích đánh giá thực trạng phát triển, những khó khăn, tồn tại của mô hình kinh tế hợp tác (KTHT), và đặc điểm của các hợp tác xã (HTX) và tổ hợp tác (THT) do phụ nữ làm chủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả và vai trò của KTHT tại địa phương. Phương pháp triển khai gồm thu thập tài liệu thứ cấp từ các đơn vị liên quan, phỏng vấn cá nhân đại diện của Liên minh HTX, khảo sát và thảo luận nhóm của đại diện các HTX và THT do nữ làm chủ. Kết quả cho thấy, đa số các HTX và THT của tỉnh còn nhiều hạn chế về năng lực quản lý, do đó hoạt động tổ chức sản xuất và kinh doanh còn kém hiệu quả, hoạt động gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ còn yếu. Số lượng HTX và THT do nữ làm chủ còn thấp, năng lực quản lý, vận hành và quy mô sản xuất, kinh doanh còn hạn chế. Các khó khăn/rào cản chính gồm thiếu vốn, thị trường đầu ra, sự hạn chế về năng lực khoa học kỹ thuật. Ngoài ra, chính quyền địa phương hiện cũng chưa có các chính sách hỗ trợ đặc thù cho các HTX và THT do nữ làm chủ. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị và đề xuất nhằm khắc phục những khó khăn để nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình KTHT do phụ nữ làm chủ tại tỉnh Trà Vinh.

Từ khóa: Kinh tế hợp tác; hợp tác xã; phụ nữ; tổ hợp tác; Trà Vinh.

Ngày nhận bài: 02/5/2019; Ngày hoàn thiện: 16/5/2019; Ngày duyệt đăng: 06/6/2019

IMPROVING THE EFFECTIVENESS OF WOMEN-OWNED COOPERATIVE ECONOMICS MODEL IN TRA VINH PROVINCE

Hà Minh Tuan^{1*}, Mai Thi Huyen Trang², Nguyen Minh Tuan¹,
Vu Thi Hai Anh¹, Kieu Thi Thu Huong¹, Nguyen Thi Hien Thuong¹

¹TNU - University of Agriculture & Forestry

²TNU - University of Economics & Business Administration

ABSTRACT

This research aims to evaluate the current situation, shortcomings and challenges of cooperative economics models, and characteristics of women-owned cooperatives and farmer groups in Tra Vinh province. The analyses were used to formulate rational recommendations for improving the role and effectiveness of coop economics in the research area. The methodology included desktop studies of existing documents from relevant departments and organisations, personal interviews with leaders of the local cooperative alliance, survey and focus group discussions with representative leaders of women-owned cooperatives and coop groups. Results of this study showed that most of the cooperatives and farmer groups still have limited capacity in management and thus ineffective operation of their production and businesses. Limited linkages between production and markets were also found. In addition, the proportion of women-led cooperatives and farmer groups is rather small, coupled with their limited capacity in management and operation of production and businesses. Their stated key challenges and/or barriers include shortage of capital, market outlets and lack of science & technology. Besides, the local government has not issued specific support policies in favour of women-owned cooperatives and farmer groups. Recommendations for addressing the defined challenges are discussed.

Keywords: Cooperative economics; cooperative; women; farmer groups; Tra Vinh.

Received: 02/5/2019; Revised: 16/5/2019; Approved: 06/6/2019

* Corresponding author. *Email: haminhtuan@tuaf.edu.vn*

http://jst.tnu.edu.vn; Email: jst@tnu.edu.vn

109

1. Giới thiệu

Tỉnh Trà Vinh nằm ở phía Đông Nam đồng bằng sông Cửu Long [1], với tổng diện tích tự nhiên là 2.358,2 km², và mật độ dân số bình quân là 441 người/km² [2]. Tính đến cuối năm 2017, tổng dân số của toàn tỉnh là 1.046.121 người. Trong đó, dân số sống tại khu vực nông thôn chiếm 82,3%, và dân số là người dân tộc thiểu số chiếm 31,0%, chủ yếu là người Khmer [3]. Tổng số lao động đang làm việc là 615,658 người (chiếm 58,9% dân số toàn tỉnh). Trong đó, tỷ lệ số lao động đã qua đào tạo chiếm 55,0% [3]. Theo số liệu điều tra của Tổng cục thống kê, toàn tỉnh có 274.064 hộ dân, tỷ lệ hộ cận nghèo và nghèo còn khá lớn, chiếm tỷ lệ lần lượt là 8,66 và 8,34% [4].

Là một tỉnh nghèo, sinh kế của nhiều hộ dân của tỉnh Trà Vinh phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Chính vì thế, các mô hình kinh tế hợp tác (KTHT) thông qua HTX (hợp tác xã) và THT (tổ hợp tác) đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của toàn tỉnh. Trong đó, số lượng HTX và THT do nữ làm chủ còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ (với tổng số 3 HTX và 26 THT) trong tổng số HTX và THT trên toàn tỉnh [5]. Hiện nay, chính quyền địa phương đang trú trọng đến vấn đề bình đẳng giới và dân tộc trong các hoạt động phát triển KT-XH của tỉnh. Do đó, nghiên cứu được triển khai nhằm mục đích đánh giá thực trạng của KTHT của toàn tỉnh và đặc điểm của các HTX và THT do nữ làm chủ, cũng như những khó khăn và thách thức hiện tại, nhằm đưa ra những kiến nghị, đề xuất trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và kinh doanh của các mô hình KTHT cho tỉnh Trà Vinh nói riêng và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập thông tin

Nhóm nghiên cứu kết hợp phương pháp thu thập thông tin định tính và định lượng thông qua nghiên cứu tài liệu thứ cấp, phỏng vấn cá

nhân và thảo luận nhóm. Số liệu được sử dụng dựa trên 2 nguồn:

- Số liệu thứ cấp: Được thu thập từ báo cáo tổng kết của Sở Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) tỉnh Trà Vinh, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (NN&PTNT) tỉnh Trà Vinh, Tổng cục thống kê, Liên Minh HTX Trà Vinh, và Bộ KH&ĐT, ...

- Số liệu sơ cấp: Được thu thập thông qua phương pháp phỏng vấn trực tiếp gồm 02 lãnh đạo của Liên minh HTX tỉnh Trà Vinh, đồng thời điều tra, khảo sát và thảo luận nhóm với 12 đại diện THT và 03 HTX do phụ nữ làm chủ năm 2018.

Nội dung nghiên cứu gồm: thực trạng của KTHT tại tỉnh Trà Vinh; đặc điểm của các HTX và THT do phụ nữ làm chủ; phân tích những khó khăn, tồn tại. Trên cơ sở đó, đề xuất các kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh của các mô hình KTHT cho tỉnh Trà Vinh.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu định lượng được phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS (phiên bản 20, SPSS Inc., Chicago, IL, USA).

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khái quát về tình hình kinh tế hợp tác tại tỉnh Trà Vinh

Số lượng HTX tại tỉnh Trà Vinh có xu hướng tăng lên qua các năm, năm 2017 thành lập mới 28 HTX với 1.849 thành viên (TV). Tổng số HTX của tỉnh là 121 HTX, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau với số lượng HTX tăng dần như sau: Điện (2 HTX, với 43 TV), tiểu thủ công nghiệp (6 HTX, 52 TV), thương mại, dịch vụ (7 HTX, 151 TV), vận tải (9 HTX, 481 TV), xây dựng (11 HTX, 95 TV), thủy sản (12 HTX, 1.218 TV), quỹ tín dụng (16 HTX, 20.807 TV), và nông nghiệp (58 HTX, 3.280 TV). Tổng số vốn điều lệ của HTX tỉnh Trà Vinh tính đến 31/12/2017 là 134.521.400 đồng, trong đó HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng có vốn cao nhất (chiếm 22,5%), và ít nhất là lĩnh vực điện (chiếm 0,54%).

Kết quả phân loại về hiệu quả hoạt động của 93 HTX năm 2017 (không tính đến 28 HTX mới thành lập) cho thấy, có 35 HTX khá (chiếm 37,63%), HTX giỏi không có, còn lại là trung bình (34,41%) và kém (27,96%). Kết quả trên phần nào phản ánh về hiệu quả hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế.

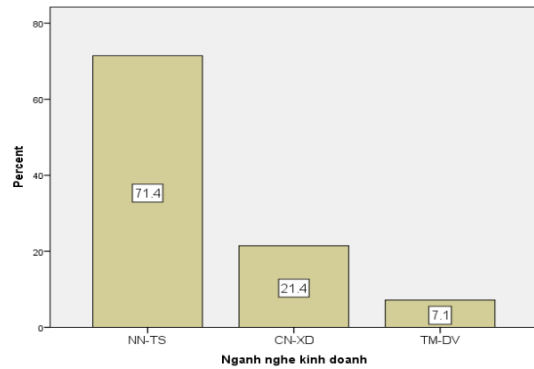
Về THT, tính đến cuối năm 2017 toàn tỉnh Trà Vinh có tới 1.841 THT với 37.344 thành viên (TV) tham gia (35.497 THT nông-lâm-ngư-diêm nghiệp và 1.847 THT phi nông nghiệp), trong đó có tới 136 THT được thành lập mới, với 1.677 TV.

Trong các lĩnh vực hoạt động của THT thì hoạt động động trong lĩnh vực trồng trọt/cây ăn quả là nhiều nhất, với 1.175 THT (63,8%), tiếp đến là THT chăn nuôi (252 THT, 13,4%), thủy sản (172 THT, 9,3%) và THT hoạt động trong lĩnh vực Thương mại và tiêu thụ công nghiệp chiếm ít nhất với 69 THT (3,8%). Còn lại là các THT hoạt động ở các lĩnh vực khác (173 THT, 9,4%) [5].

Kết quả cho thấy, đa số các HTX và THT trên địa bàn tỉnh hoạt động ở lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản. Số lượng THT gấp nhiều lần so với số lượng HTX, qua đó đã góp phần tạo công ăn việc làm cho nhiều hộ gia đình tại địa phương. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của cả HTX và THT nhìn chung còn thấp. Đặc biệt, hoạt động của THT còn mang tính đơn lẻ, chưa có sự liên kết vững chắc, thiếu sự hướng dẫn, tư vấn của chính quyền cơ sở, chính sách hỗ trợ cho THT còn rất ít. Do đó, hoạt động chưa đạt hiệu quả cao. Trong năm 2017 toàn tỉnh có tới 196 THT nông - lâm - ngư - diêm nghiệp (với 1.931 TV) đã bị giải thể.

3.2. Đặc điểm của HTX và THT do nữ làm chủ tại tỉnh Trà Vinh

Trong tổng số 15 đơn vị do phụ nữ làm chủ được phỏng vấn (gồm 3 HTX và 12 THT), có 3 phụ nữ là người Khmer (chiếm 20%). Các ngành nghề sản xuất và kinh doanh của HTX và THT do nữ làm chủ chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp - thủy sản (chiếm 71,4%).



Hình 1. Lĩnh vực ngành nghề sản xuất, kinh doanh của HTX và THT

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra của tác giả năm 2018.
Ghi chú: NN-TS: Nông nghiệp & Thủy Sản; CN-XD: Công nghiệp & xây dựng; TM-DV: Thương mại & dịch vụ. Đơn vị tính: %.)

Nhìn chung, trình độ học vấn của lãnh đạo các HTX và THT còn hạn chế, với 85,7% có trình độ học vấn từ cấp 1 đến cấp 3. Chỉ có 14,3% có trình độ Trung cấp và Đại học. Đồng thời, tỷ lệ lãnh đạo HTX và THT đã được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý HTX/THT còn thấp, mới chiếm 42,9%.

Trong số HTX và THT được điều tra, có tới 86,7% đơn vị mới được thành lập và vận hành trong vòng 1-3 năm. Khi được hỏi về lý do thành lập HTX và THT, chỉ có 33,3% đơn vị trả lời là thành lập trên tinh thần tự nguyện và tự thành lập; 26,7% thành lập theo chỉ đạo và hỗ trợ của cơ quan/tổ chức địa phương; và có tới 40,0% thành lập do có sự hỗ trợ của tổ chức phi chính phủ và tài trợ vốn nước ngoài. Kết quả này cho thấy, phụ nữ có năng lực và chủ động thành lập các HTX/THT còn rất hạn chế, phần lớn vẫn còn được hỗ trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước. Ngoài ra, tỷ lệ HTX/THT có thành viên tham gia tự nguyện có góp vốn chỉ chiếm 60,0%, còn lại là không góp vốn (20,0%) hoặc có sự hỗ trợ vốn từ bên ngoài (chính quyền địa phương hoặc tổ chức phi chính phủ).

Các HTX và THT do nữ làm chủ có quy mô và trình độ kinh doanh còn nhiều hạn chế, với số hộ tham gia còn ít, trung bình 18,8 (± 3,0) hộ thành viên tham gia. Đồng thời, tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh còn rất thấp, trung bình 117,7 (± 44,0) triệu đồng/năm.

Bảng 1. Các thông tin chung về các HTX và THT do phụ nữ làm chủ tại Trà Vinh

TT	Thông tin chung của HTX/THT	Trung bình	S.E.	Tối thiểu	Tối đa
1	Số người trong ban quản lý (người)	3,0	0,195	2	5
2	Số thành viên nữ trong ban quản lý (người)	2,3	0,300	1	4
3	Số hộ tham gia (hộ)	18,8	3,029	9	52
4	Số thành viên được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ (người)	12,3	2,168	0	32
5	Tổng doanh thu/năm (triệu đồng)	117,7	44,016	36	300

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra của tác giả năm 2018.

(Ghi chú: $n = 15$; S.E là sai số chuẩn của trung bình mẫu; thành viên nữ không nằm trong ban quản lý nhưng nếu có vốn điều lệ từ 51% trở lên vẫn được coi là HTX/THT do nữ làm chủ).

3.3. Phân tích những khó khăn, tồn tại của HTX và THT tại tỉnh Trà Vinh

3.3.1. Khó khăn, tồn tại của HTX và THT

Theo nhận định của lãnh đạo Liên minh HTX tỉnh Trà Vinh, mặc dù HTX và THT có xu hướng tăng cả về số lượng và chất lượng, tuy nhiên số đơn vị hoạt động thực sự hiệu quả và bền vững còn thấp, tỷ lệ HTX và THT giải thể hàng năm cũng còn khá cao. Trên toàn tỉnh, chỉ có khoảng 6 HTX là vận hành có hiệu quả thực sự theo mô hình doanh nghiệp nông nghiệp. Điều này có thể cho thấy, trình độ quản lý và vận hành của các HTX hiện nay còn rất hạn chế. Tỷ lệ HTX hoạt động ở mức trung bình và yếu kém còn cao, vốn tự có thấp, đồng thời chưa có nhiều HTX xây dựng được thương hiệu sản phẩm.

Mặc dù hoạt động theo hình thức tự chủ, tự nguyện tham gia HTX và THT, song nội lực vẫn chưa phát huy tối đa, vẫn còn nhiều đơn vị có tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Nhìn chung, trình độ cán bộ quản lý HTX tuy được nâng lên, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, tỷ lệ cán bộ quản lý HTX và THT chưa qua đào tạo nghiệp vụ còn khá cao. Các đơn vị còn nhiều lúng túng trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất, kết nối chuỗi giá trị, và phát triển thị trường.

Hoạt động kinh doanh, dịch vụ của HTX và THT là đa ngành nghề, tuy nhiên quy mô hoạt động còn nhỏ, tốc độ tăng trưởng của các loại hình chưa đồng đều, chưa tạo được sự liên kết bền vững.

3.3.2. Khó khăn và tồn tại của THX, THT do phụ nữ làm chủ

Năng lực nội tại của các HTX và THT do nữ làm chủ của tỉnh Trà Vinh còn nhiều hạn chế, thể hiện ở trình độ học vấn, năng lực quản lý, quy mô sản xuất và hiệu quả kinh doanh.

Các khó khăn của các HTX và THT do nữ làm chủ ở tỉnh Trà Vinh thể hiện ở các khía cạnh sau theo trình tự ưu tiên:

1. Thiếu thị trường đầu ra cho sản phẩm;
2. Nguồn vốn và tiếp cận vốn phục vụ sản xuất và kinh doanh còn khó khăn;
3. Giá cả thị trường thấp và không ổn định;
4. Kiến thức về khoa học, kỹ thuật của các thành viên HTX và THT còn yếu;
5. Phương tiện vận chuyển vật tư và sản phẩm chưa chủ động.

Ngoài ra, năng lực cạnh tranh các sản phẩm của HTX và THT do nữ làm chủ còn yếu, đầu vào phục vụ sản xuất (vật tư, trang thiết bị, giống,...) chưa chủ động, thời tiết bất thường dẫn đến nhiều rủi ro trong sản xuất, trình độ của các TV không đồng đều, quan điểm bất đồng giữa các TV, thủ tục thành lập HTX và THT còn phức tạp.

Hơn nữa, các yếu tố về giới là một trong những hạn chế và rào cản đối với phụ nữ làm chủ HTX và THT. Kết quả thảo luận nhóm cho thấy, các hạn chế sau của phụ nữ so với nam giới:

- Yếu tố năng lực tài chính: không có vốn;
- Yếu tố văn hóa và giới: chăm sóc gia đình và con cái; nam giới quyết định mọi việc trong gia đình;

- Năng lực và đặc điểm phụ nữ: trình độ bản thân; ngại va chạm và thiếu tự tin trong giao tiếp; sợ rủi ro trong kinh doanh và vay nợ; và yếu tố sức khỏe.

Mặt khác, cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX/THT cũng chưa thực thông thoáng và khuyến khích HTX/THT phát triển tại địa phương. Đây cũng là những khó khăn trở ngại cho việc phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của loại hình kinh tế này.

Bảng 2. Quan điểm về chính sách ưu tiên HTX/THT do phụ nữ và phụ nữ người dân tộc làm chủ

Quan điểm	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Hoàn toàn đồng ý	2	13,3
Đồng ý	3	20,0
Đồng ý một phần	7	46,7
Không đồng ý	3	20,0
Tổng	15	100,0

(Nguồn: Tổng hợp điều tra của tác giả, 2018)

Mặc dù tỉnh đã có chủ trương khuyến khích vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế, tuy nhiên vẫn chưa có các chính sách đặc thù trong việc hỗ trợ các HTX/THT do nữ làm chủ và nữ là người dân tộc làm chủ tại địa phương.

4. Kết luận

Với đặc thù là tỉnh có tới 82,3% dân số sống ở nông thôn, hoạt động sản xuất nông nghiệp thông qua các mô hình KTHT đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển KT-XH của toàn tỉnh. Số lượng HTX và THT trên toàn tỉnh có xu hướng tăng lên về số lượng, do đó chứng minh vai trò của KTHT ở Trà Vinh ngày càng cao. Tuy nhiên, đa số HTX và THT hiện nay còn hạn chế nhiều về năng lực quản lý và tổ chức sản xuất, kinh doanh, hoạt động gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ còn mang tính thụ động và hiệu quả chưa cao.

HTX và THT do nữ làm chủ chiếm tỷ lệ còn rất thấp so với tổng số HTX và THT trên toàn tỉnh. Trình độ học vấn, năng lực quản lý, vận hành và quy mô sản xuất, kinh doanh còn hạn chế. Đồng thời, các HTX và THT do nữ làm chủ còn gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn sản xuất, thị trường đầu ra cũng như năng lực về

khoa học kỹ thuật. Các chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương còn ít, đồng thời chưa có những chính sách đặc thù cho nhóm phụ nữ và phụ nữ người dân tộc.

Do đó, chính quyền địa phương cần có những chính sách và hình thức hỗ trợ sau nhằm nâng cao hiệu quả và vai trò của KTHT trong phát triển KT-XH và bình đẳng giới tại địa phương:

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức sản xuất, kinh doanh cho các HTX và tổ hợp tác trên địa bàn. Đồng thời, tăng cường các hỗ trợ về chuyển giao khoa học công nghệ và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tìm kiếm và kết nối thị trường đầu ra cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh, đồng thời hỗ trợ xây dựng các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, xây dựng thương hiệu và nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm địa phương.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới nhằm nâng cao chất lượng các HTX hiện có, đồng thời khuyến khích các THT phát triển thành các HTX.

- Tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn, và các chính sách đặc thù hỗ trợ và khuyến khích các HTX và THT do nữ làm chủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. MPI, “Giới thiệu tổng quan về tỉnh Trà Vinh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư”, <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinhthanhchitiet.aspx?idTin hThanh=17>, 2017.
- [2]. GSO, *Dữ liệu thống kê về diện tích tự nhiên và mật độ dân số bình quân tỉnh Trà Vinh năm 2016*, Tổng cục Thống kê, 2016.
- [3]. Sở KH&ĐT, *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2017 và Kế hoạch 2018 (Số 08/BC-UBND tỉnh Trà Vinh, ngày 18/1/2018)*, 2018.
- [4]. GSO, *Dữ liệu thống kê về dân số, lao động tỉnh Trà Vinh năm 2017*, Tổng cục Thống kê, 2017.
- [5]. LM HTX TV, *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã và hoạt động của LM HTX tỉnh Trà Vinh năm 2017, nhiệm vụ trọng tâm năm 2018*, Báo cáo số 138-BC-LMT ngày 29/12/2017, 2017.

